

Bản án số: 88/2022/DS-ST
Ngày: 15/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh – Ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST- DS ngày 15/7/2022 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022//QĐXXST – DS ngày 16/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/9/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1970 – vắng mặt

Bà Nguyễn Thị H (vợ ông T2) – sinh năm 1972 - vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn NX, xã CM, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà và vợ chồng anh Ngô Văn T2 là người cùng thôn, do vợ chồng Anh T2 có nhu cầu vay vốn để làm ăn chăn nuôi và mua đất nên Anh T2 và chị Hiệp có vay của Bà một số tiền:

- Lần thứ nhất: Anh T2 có vay của Bà số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 04/02/2016 (âm lịch) có thỏa thuận lãi suất với mức là 2,5%/tháng, mỗi tháng Anh T2, chị Hiệp phải đóng cho Bà 1,5 triệu tiền lãi. Anh

T2, chị Hiệp đã trả cho Bà được 31 tháng tiền lãi với tổng số tiền của lần vay này là 43.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Anh T2 có vay của Bà số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 18/02/2016 (âm lịch) có thỏa thuận lãi suất với mức là 3%/tháng, mỗi tháng Anh T2 đóng cho Bà 900.000 đồng tiền lãi. Anh T2 đã trả cho Bà được 14 tháng tiền lãi với tổng số tiền lãi là 12.600.000 đồng.

- Lần thứ ba: Anh T2 có vay của Bà số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) vào ngày 28/5/2016 (âm lịch) có thỏa thuận lãi suất với mức là 2%/tháng. Mỗi tháng Anh T2 phải đóng cho Bà 4 triệu tiền lãi. Anh T2 đã đóng cho Bà được 8 tháng tiền lãi với tổng số tiền lãi là 32 triệu đồng.

Ngoài các lần trả trên thì con trai Anh T2 có chuyển cho Bà 10 triệu đồng. Số tiền này được hai bên thỏa thuận là để trả vào tiền gốc. Ngoài các lần trả tiền như trên thì đến nay, Anh T2, chị Hiệp chưa trả cho Bà được thêm bất kỳ một khoản tiền nào khác. Bà đã đòi vợ chồng Anh T2, chị Hiệp nhiều lần nhưng anh chị không trả Bà được đầy đủ số tiền đã vay.

Nay Bà làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang buộc vợ chồng Anh T2, chị Hiệp phải trả số tiền gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi với mức 1,5%/tháng kể từ ngày 01/01/2019 (âm lịch – tức ngày 05/02/2019 dương lịch) đến khi Tòa xét xử, tạm tính đến ngày 05/7/2022 số tiền lãi là 172.200.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà T1 trình bày: Nay bà biết việc thu tiền lãi với mức là 2,5% và 3% là không đúng quy định của pháp luật. Bà đồng ý trừ cho Anh T2 cả số tiền vượt quá và số tiền đã trả lãi là 40 triệu đồng vào số tiền gốc.

- Anh Ngọ Văn T2 trình bày:

Về số tiền gốc vay 280 triệu như bà T1 nêu là đúng. Anh vay khoản tiền này làm nhiều lần. Anh vay tiền để làm kinh tế chăn nuôi lợn của gia đình. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Hiện nay gia đình anh làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn anh đề nghị bà T1 miễn tiền lãi cho vợ chồng ông. Ông xin trả bà T1 tiền gốc.

Về tiền lãi: Anh đã trả được cho bà T1 nhiều lần, khi thì 1 triệu, khi thì 2 triệu. Anh khó khăn nếu bà T1 trừ vào tiền gốc thì tôi được còn nếu bà T1 tính vào lãi thì anh cũng đồng ý.

Chị Nguyễn Thị H vợ Anh T2 không có lời khai với Tòa án, không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai chính thức.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký, HĐXX đã đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà T1 buộc ông T2, bà H phải trả cho bà T1 số tiền gốc là 240 triệu đồng và tiền lãi với mức là 1,5%/tháng từ ngày 01/01/2019 đến ngày Tòa án xét xử

Ông T2, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đề nghị tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện yêu cầu Anh T2 là bị đơn có nơi cư trú tại xã CM, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trả tiền gốc và tiền lãi. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bà T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T2, chị Hiệp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

[2.1] Tại bút lục số 02 đến 05 là các giấy vay tiền (bản phô tô), bản gốc bà T1 giao nộp thể hiện vợ chồng ông T2, bà H có vay của bà T1 nhiều lần tiền với các số tiền khác nhau. Lần thứ nhất ông T2, bà H vay với số tiền là 60 triệu vào ngày 04/02/2016 âm lịch. Lần thứ hai ông T2, bà H vay bà T1 số tiền là 30 triệu đồng vào ngày 18/02/2016 âm lịch. Lần thứ ba ông T2, bà H vay của bà T1 số tiền là 200 triệu đồng vào ngày 28/5/2016. Tổng số tiền ông T2, bà H vay của bà T1 là 290 triệu đồng. Ông T2, bà H đã trả cho bà T1 được số tiền 10 triệu đồng tiền gốc. ông T2 cũng thừa nhận các khoản vay này. Đến nay vợ chồng ông T2, bà H chưa trả được khoản tiền gốc còn lại cho bà H vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ quy định tại Điều 352, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Ông T2, bà H phải có trách nhiệm trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T1 tương ứng với thời gian chậm trả.

[2.2] Về mức lãi: Trong giấy hai bên không thỏa thuận về lãi suất, theo bà T1 trình bày các khoản vay của ông T2, bà H với mức lãi khác nhau, có khoản thì 2%, có khoản thì 3%. Bản thân ông T2 cũng đã trả cho bà T1 số tiền lãi là hơn 90 triệu đồng. Nay bà T1 yêu cầu ông T2, bà H trả cho với mức lãi suất là 1,5%/tháng ông T2 cũng đồng ý với mức này. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 về việc tính lãi với mức là 1,5%/tháng.

[2.3] Về số tiền lãi phải trả: Ông T2, bà H đã trả được một phần tiền lãi. Khoản vay 60 triệu ngày 04/02/2016 âm lịch ông T2, bà H đã trả được cho bà T1 31 tháng tiền lãi với số tiền là 46.500.000 đồng. Khoản vay 30 triệu đồng ngày 18/02/2016 âm

lịch đã trả được 14 tháng tiền lãi với số tiền là 12.600.000 đồng. Khoản vay 200 triệu đồng ngày 28/5/2016 âm lịch trả được 4 tháng tiền lãi với số tiền là 32 triệu đồng. Như vậy, thời gian đóng tiền lãi của các khoản vay này của ông T2, bà H là chưa đến ngày 05/2/2019 dương lịch. Nay bà T1 yêu cầu tính lãi từ ngày 05/2/2019 đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật và là quyền của bà T1 nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà T1. Do các lần trả lãi trước đây bà T1 tính lãi và thu lãi của ông T2, bà H là vượt quá mức quy định của pháp luật nên cần phải trừ vào số tiền gốc mà ông T2, bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà T1. Bà T1 đồng ý trừ cho ông T2 cả số tiền lãi trả vượt quá quy định và số lãi trả đúng quy định vào tiền gốc với số tiền là 40 triệu. Đây là quyền của đương sự và phần tiền lãi trả vượt quá quy định của ông T2, bà H đã được trừ vào tiền gốc phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do số tiền lãi trả vượt quá của ông T2, bà H không đến 40 triệu và được bà T1 đồng ý trừ cả 40 triệu tiền lãi vào tiền gốc nên số tiền gốc ông T2, bà H còn nợ lại bà T1 là: 280 triệu – 40 triệu = 240 triệu.

Từ những nhận định trên, số tiền lãi ông T2, bà H phải trả cho bà T1 là: 240 triệu x 1,5%/tháng x 43 tháng 10 ngày = 156.000.000 đồng.

Như vậy, cần buộc ông T2, bà H phải trả cho bà T1 số tiền gốc là 240 triệu và số tiền lãi là: 156.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông T2, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 396.000.000 đồng x 5% = 19.800.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 352; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1. Xử:

1. Buộc ông Ngộ Văn T2, bà Nguyễn Thị H trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền gốc là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu) và tiền lãi là 156.000.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu đồng). Tổng số tiền ông T2, bà H phải trả cho bà T1 là 396.000.000 đồng (ba trăm chín mươi sáu triệu).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền gốc, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn T2, bà Nguyễn Thị H phải chịu 19.800.000 đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Văn Chức